



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN SINH LỚP 9 – TUẦN 10

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: 2 tinh bào bậc 1 giảm phân cho ra bao nhiêu tinh trùng?

- A. 4
- B. 8
- C. 16
- D. 32

Câu 2: Cơ thể có kiểu gen nào sau đây là thể đồng hợp về 2 cặp gen?

- A. aaBB
- B. AaBb
- C. Aabb
- D. aaBb

Câu 3: Phép lai nào sau đây cho kết quả 2 kiểu gen ở đời con?

- A. AABB x AABB
- B. AaBb x aabb
- C. Aabb x aabb
- D. aaBB x AaBb

Câu 4: Kiểu gen nào sau đây cho ra giao tử ab:

- A. AABB.
- B. AaBb.
- C. AAbb.
- D. aaBB.

Câu 5: Các nhiễm sắc thể xếp thành 1 hàng ở mặt phẳng xích đạo là kì nào của nguyên phân.

- A. Kì đầu
- B. Kì giữa
- C. Kì sau
- D. Kì cuối

Câu 6: 1 tế bào có 16 NST đơn, hỏi tế bào đó có bao nhiêu tâm động:

- A. 48
- B. 8
- C. 32
- D. 16

Câu 7: Một tế bào có 8 NST kép, hỏi nhiễm sắc thể có bao nhiêu cromatit?

- A. 32
- B. 16

- C. 4
D. 26
- Câu 8: Mỗi nhiễm sắc thể kép gồm:
A. 2 Cromatit và 1 tâm động.
B. 2 nhiễm sắc thể đơn.
C. 1 cromatit và ADN .
D. 1 nhiễm sắc thể và tâm động
- Câu 9: Trong tế bào sinh dưỡng, nhiễm sắc thể tồn tại thành
A. từng nhóm
B. từng cặp không tương đồng
C. từng cặp tương đồng (giống nhau về hình dạng và kích thước)
D. từng chiếc riêng rẽ
- Câu 10: cho 5 noãn bào bậc 1 tham gia vào giảm phân, số tế bào trứng tạo thành là
A. 10.
B. 3.
C. 2.
D. 5.
- Câu 11: Trong cặp nhiễm sắc thể tương đồng, 2 nhiễm sắc thể có nguồn gốc từ đâu?
A. Do nhiễm sắc thể nhân đôi.
B. Từ bố.
C. Từ mẹ.
D. Một từ bố, một từ mẹ
- Câu 12. Trong phép lai sau đâu là phép lai 1 cặp tính trạng tương phản:
A. hoa đỏ x hoa trắng
B. thân cao x vỏ xám
C. hoa đỏ x thân cao
D. vỏ xám x hạt xanh

-----HẾT-----

Chú ý: Học sinh làm bài trên link Azota của GVBM chậm nhất ngày 14/11/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN HÓA LỚP 9 – TUẦN 10

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Các bazơ không tan là

- A. NaOH, Mg(OH)₂, Fe(OH)₃, . C. NaOH, Ba(OH)₂, Fe(OH)₃.
B. Mg(OH)₂, Fe(OH)₃, KOH. D. Mg(OH)₂, Fe(OH)₃, Cu(OH)₂,

Câu 2: Dãy oxit tác dụng với nước tạo ra dung dịch kiềm:

- A. CuO, CaO, K₂O, Na₂O. B. CaO, Na₂O, K₂O, BaO.
C. Na₂O, BaO, CuO, MnO. D. MgO, Fe₂O₃, ZnO, PbO.

Câu 3: Dãy oxit vừa tác dụng nước, vừa tác dụng với dung dịch kiềm là:

- A. CuO, Fe₂O₃, SO₂, CO₂. B. CaO, CuO, CO, N₂O₅.
C. SO₂, MgO, CuO, Ag₂O. D. CO₂, SO₂, P₂O₅, SO₃.

Câu 4: Để loại bỏ khí CO₂ có lẫn trong hỗn hợp (O₂, CO₂), người ta cho hỗn hợp đi qua dung dịch chứa:

- A. HCl B. Ca(OH)₂ C. Na₂SO₄ D. NaCl

Câu 5: Pha dung dịch chứa 1 g NaOH với dung dịch chứa 1 g HCl sau phản ứng thu được dung dịch có môi trường:

- A. Axít. B. Trung tính. C. Bazơ. D. Không xác định.

Câu 6: Khi cho dung dịch HCl tác dụng với CuO hiện tượng xảy ra là:

- A. Có khí thoát ra B. Có màu xanh xuất hiện, CuO tan dần
C. CuO tan ra D. Có khí thoát ra đồng thời màu xanh xuất hiện

Câu 7: Đơn chất kim loại nào sau đây tác dụng với H₂SO₄ đặc nóng sinh ra khí mùi hắc:

- A. Cu B. S C. H₂ D. C

Câu 8: Các bazơ kiềm là

- A. NaOH, Mg(OH)₂, Fe(OH)₃ C. NaOH, Mg(OH)₂, Ba(OH)₂
B. NaOH, Cu(OH)₂, Fe(OH)₃ D. NaOH, KOH, Ba(OH)₂

Câu 9: Dãy các Oxit đều tác dụng với nước ở nhiệt độ thường:

- A. MgO, FeO, SO₂, CaO B. MgO, FeO, Na₂O, Al₂O₃
C. MgO, P₂O₅, K₂O, CuO D. SO₂, CO₂, P₂O₅, BaO

Câu 10: Dãy các chất không tác dụng với H₂SO₄ (loãng):

- A. NaCl, CaCl₂, H₂SO₄, Cu B. Fe, CaCO₃, CuO, BaCl₂
C. Ba(OH)₂, Mg, CaO D. NaOH, Al(OH)₃, FeO

-----HẾT-----

Chú ý: Học sinh làm bài trên link Azota của GVBM chậm nhất ngày 14/11/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN VẬT LÝ 9 – TUẦN 10

Đọc kĩ câu hỏi và lựa chọn đáp án đúng nhất trong 4 đáp án A, B, C, D

Câu 1: Bóng đèn ống 20W sáng hơn đèn dây tóc 60W là do:

- A. Dòng điện qua bóng đèn ống mạnh hơn.
- B. Hiệu suất của bóng đèn ống cao hơn.
- C. Ánh sáng tỏa ra từ bóng đèn ống hợp với mắt hơn.
- D. Dây tóc bóng đèn ống dài hơn.

Câu 2: Công suất điện của một đoạn mạch cho biết:

- A. Khả năng thực hiện công của dòng điện trên đoạn mạch.
- B. Năng lượng của dòng điện tiêu thụ trên đoạn mạch.
- C. Lượng điện năng mà đoạn mạch sử dụng trong một đơn vị thời gian.
- D. Mức độ mạnh yếu của dòng điện trong đoạn mạch.

Câu 3: Bóng đèn ghi 12V- 6W

- A. Cường độ dòng điện lớn nhất mà bóng đèn chịu được là 2A.
- B. Cường độ dòng điện lớn nhất mà bóng đèn chịu được là 0,5A.
- C. Cường độ dòng điện tối thiểu mà bóng đèn sáng được là 2A.
- D. Cường độ dòng điện qua bóng đèn, khi đèn sáng bình thường là 0,5A.

Câu 4: Một bóng đèn dây tóc ghi 110V- 55W. Điện trở của nó là:

- A. $0,5\Omega$.
- B. $27,5\Omega$.
- C. 2Ω .
- D. 220Ω .

Câu 5: Hai bóng đèn sợi đốt. Một cái có công suất 75W, cái kia có công suất 40W. Cả hai đều hoạt động bình thường dưới hiệu điện thế 220V. Khi so sánh điện trở của dây tóc của hai đèn này thì:

- A. Đèn 75W có điện trở lớn hơn.
- B. Đèn 40W có điện trở lớn hơn.
- C. Điện trở hai đèn như nhau.
- D. Không so sánh được.

Câu 6: Trên một bếp điện có ghi 220V – 1KW, điều đó có ý nghĩa gì?

- A. Khi mắc bếp điện vào hiệu điện thế 220V thì công suất tiêu thụ của bếp là 1KW.
- B. Hiệu điện thế định mức của bếp là 1KW.
- C. Công suất định mức của bếp là 220V.
- D. Khi sử dụng bếp với hiệu điện thế bất kì thì công suất tiêu thụ của bếp là 1KW.

Câu 7: Một bóng đèn có ghi 220V – 75W. Công suất điện của bóng đèn bằng 75W nếu bóng đèn được mắc vào hiệu điện thế:

- A. Nhỏ hơn hoặc bằng 220V.
- B. Lớn hơn hoặc bằng 220V.
- C. Đúng bằng 220V.
- D. Đúng bằng 110V.

Câu 8: Cho hai bóng đèn: bóng I loại 220V – 40W, bóng II loại 220V – 60W. Tổng công suất tiêu thụ của hai đèn bằng 100W khi hai đèn được mắc như thế nào?

- A. Mắc nối tiếp hai bóng vào nguồn điện 220V.
- B. Mắc song song hai bóng vào nguồn điện 220V.
- C. Mắc nối tiếp hai bóng vào nguồn điện 110V.
- D. Mắc song song hai bóng vào nguồn điện 110V.

Câu 9: Hai điện trở $R_1 = 20\Omega$ và $R_2 = 30\Omega$ mắc song song vào nguồn điện 120V. Công suất tiêu thụ của cả đoạn mạch song song này là:

- A. 5000W.
- B. 2000W.
- C. 3000W.
- D. 1200W.

Câu 10: Hai điện trở $R_1 = 10\Omega$ và $R_2 = 20\Omega$ mắc nối tiếp vào hiệu điện thế 12V. Công suất tiêu thụ của mỗi điện trở sẽ có giá trị nào sau đây?

A. $P_1 = 1,6W$; $P_2 = 4,8W$.

B. $P_1 = 3,2W$; $P_2 = 4,8W$.

C. $P_1 = 1,6W$; $P_2 = 3,2W$.

D. $P_1 = 3,2W$; $P_2 = 1,6W$.

Câu 11: Ba điện trở $R = 20\Omega$, được mắc R nt (R // R) vào nguồn điện 12V. Công suất tiêu thụ của cả đoạn mạch là:

A. 3,2W.

B. 1,6W.

C. 4,8W.

D. 0,8W.

Câu 12: Ba điện trở $R = 20\Omega$, được mắc (R nt R) // R vào nguồn điện 12V. Công suất tiêu thụ của cả đoạn mạch là:

A. 7,2W.

B. 10,8W.

C. 1,8W.

D. 9W.

Câu 13: (16.1- BTVL9) Định luật Jun – Len Xơ cho biết điện năng biến đổi thành:

A. Cơ năng.

B. Năng lượng ánh sáng.

C. Nhiệt năng.

D. Hóa năng.

Câu 14: (16.7- BTVL9) Công thức nào **không phải** là công thức tính nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn khi có dòng điện chạy qua?

A. $Q = \frac{U \cdot t}{I}$.

B. $Q = UI \cdot t$.

C. $Q = \frac{U^2 \cdot t}{R}$.

D. $Q = I^2 R \cdot t$.

Câu 15: Mắc các dây dẫn vào một hiệu điện thế không đổi. Trong cùng một thời gian thì nhiệt lượng tỏa ra ở dây dẫn phụ thuộc như thế nào vào điện trở dây dẫn?

A. Tăng gấp đôi khi điện trở của dây dẫn tăng lên gấp đôi.

B. Tăng gấp đôi khi điện trở của dây dẫn giảm đi một nửa.

C. Tăng gấp bốn khi điện trở của dây dẫn giảm đi một nửa.

D. Giảm đi một nửa khi điện trở của dây dẫn tăng lên gấp bốn.

Câu 16: (16.9- BTVL9) Nếu đồng thời giảm điện trở của dây dẫn, cường độ dòng điện và thời gian dòng điện chạy qua dây dẫn đi một nửa, thì nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn sẽ thay đổi như thế nào?

A. Giảm đi 2 lần.

B. Giảm đi 4 lần.

C. Giảm đi 8 lần.

D. Giảm đi 16 lần.

Câu 17: Trong mạch điện có hai điện trở R_1 và R_2 mắc nối tiếp, với $R_1 = 2R_2$. Trong cùng thời gian t nhiệt lượng tỏa ra từ R_1 là Q_1 , từ R_2 là Q_2 . Liên hệ nào sau đây từ Q_1 và Q_2 là đúng?

A. $Q_1 = 2Q_2$.

B. $Q_1 = 4Q_2$.

C. $Q_1 = 0,5Q_2$.

D. $Q_1 = 0,25Q_2$.

Câu 18: Trong mạch điện có hai điện trở R_1 và R_2 mắc song song, với $R_1 = 3R_2$. Trong cùng thời gian t nhiệt lượng tỏa ra từ R_1 là Q_1 , từ R_2 là Q_2 . Liên hệ nào sau đây từ Q_1 và Q_2 là đúng?

A. $Q_1 = 3Q_2$.

B. $Q_1 = 9Q_2$.

C. $Q_2 = 3Q_1$.

D. $Q_2 = 9Q_1$.

Câu 19: Một dây dẫn có điện trở 176Ω được mắc vào nguồn điện có hiệu điện thế 220V. Nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn đó trong 15 phút là:

A. 247 500J.

B. 59 400J.

C. 500 000J.

D. 176 000J.

Câu 20: Một bếp điện sử dụng hiệu điện thế đúng định mức 220V trong cùng thời gian với sử dụng hiệu điện thế 110V, thì nhiệt lượng tỏa ra của bếp sẽ:

A. Tăng lên 2 lần.

B. Tăng lên 4 lần.

C. Giảm đi 2 lần.

D. Giảm đi 4 lần.

Chú ý: Học sinh làm bài trên link Azota của GVBM gửi chậm nhất ngày 14/11/2021